

Bản án số: 132/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 23/8/2019

V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Luật

2. Ông Đinh Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng:
Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 96/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nông Thị Y**; Sinh năm: 1962; HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Chỗ ở hiện tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Lãnh Văn T**; Sinh năm: 1965; HKTT: tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi liên quan:*

3.1 Hoàng Thị V; HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3.2 Nông Thị B; HKTT: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3.3 Hoàng Trung T; HKTT: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3.4 Hoàng Đức T; HKTT: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3.5 Nông Thị T; HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3.6 Tô Hương T; HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, bà Nông Thị Y trình bày: bà và ông T sống chung như vợ chồng từ năm 1996, hai bên không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hòa thuận đến tháng 01/2017 là thời điểm con đi bộ đội thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T lười biếng không giúp bà làm việc nhà, không đưa tiền cho bà để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra ông T có quan hệ ngoài hôn nhân. Ông bà đã được tổ dân phố hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi chửi nhau, ông T có hành vi đánh bà (mỗi tháng khoảng 02 lần) tuy nhiên không gây thương tích gì. Ông bà đã ly thân được khoảng 03 năm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị được ly hôn.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông Lãnh Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà Y về thời gian chung sống. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận việc đánh bà Y. Ông xác nhận có mối quan hệ ngoại tình, có việc không đưa tiền cho bà Y nhưng vì ông không kiếm được nhiều tiền, tiền ông kiếm được chỉ đủ chi trả sinh hoạt cá nhân. Nay ông xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà Y và ông T xác nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên: Lãnh Phương N, sinh ngày 04 tháng 2 năm 1999. Hiện nay con chùng đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự thống nhất trình bày quá trình chung sống có tài sản chung là 01 ngôi nhà một tầng diện tích 68m² tại tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng xây trên đất của gia đình bà Y. Ngôi nhà xây dựng cuối năm 2016, đầu năm 2017. Chi phí xây dựng hết khoảng 120.000.000 đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó: Bà Y bỏ tiền ra làm móng hết 30 triệu đồng, ông T đóng góp tiền làm cửa và làm mái là 30 triệu đồng. Còn lại do anh em trong gia đình bà Y giúp. Hai bên đương sự thống nhất phân chia tài sản chung tại Biên bản thỏa thuận ngày 09/8/2019 như sau: hai bên đương sự xác định giá trị ngôi nhà là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Bà Y được quyền sở hữu ngôi nhà và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông T với số tiền là 45.000.000 đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Về nợ chung, nợ riêng: Tại đơn khởi kiện bà Y yêu cầu giải quyết khoản nợ chung là số tiền gia đình bà Y bỏ ra để bà Y và ông T xây nhà. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Y và những người có quyền lợi liên quan đều xác nhận số tiền này là tiền anh em trong gia đình cho bà Y và ông T xây nhà, không phải cho vay. Do đó, bà Y đã rút yêu cầu giải quyết nợ chung.

Ông T và bà Y đều xác nhận không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác nhận việc cho ông T và bà Y tiền xây nhà. Số tiền cụ thể như bà Y trình bày tại đơn khởi kiện và đều không yêu cầu tòa án giải quyết các khoản tiền này.

Tại phiên tòa bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông T nhất trí ly hôn. Về con chung: do con chung hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: bà Y và ông T vẫn giữ nguyên thỏa thuận theo Biên bản ngày 09/8/2019. Về nợ chung, nợ riêng: bà Y và ông T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Các bên đương sự thống nhất mỗi người chịu một nửa chi phí là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Bà Y và ông T đã thực hiện việc thanh toán các khoản tiền trên tại phiên tòa.

Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin từ chối tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Y và ông T.

- Về việc nuôi con chung: Do con chung hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Công nhận thỏa thuận của các bên đương sự: bà Y được quyền sở hữu ngôi nhà một tầng tại tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng và có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền chênh lệch tài sản là 45.000.000 đồng.

Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bà Nông Thị Y và ông Lãnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lãnh Văn T hiện nay đang cư trú tại tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi liên quan có đơn xin từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 ngày 09-6-2000 của Quốc hội 10 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, bà Y và ông T có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003. Tuy nhiên, từ ngày 01-01-2001 đến nay, bà Y và ông T vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Nông Thị Y và ông Lãnh Văn T.

[2.2] Về con chung: Các bên đương sự xác nhận quá trình chung sống có một con chung là Lãnh Phương N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1999. Hiện nay con chung đã đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống có tài sản chung là 01 ngôi nhà một tầng diện tích 68m² tại tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Tại Biên bản ngày 09/8/2019 và tại phiên tòa hai bên đương sự thống nhất phân chia tài sản chung như sau: hai bên đương sự xác định giá trị ngôi nhà là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Bà Y được quyền sở hữu ngôi nhà và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông T với số tiền là 45.000.000 đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Tuy nhiên, do vị trí ngôi nhà một tầng của ông Lãnh Văn T và bà Nông Thị Y được xây dựng trên đất nhà chờ sân bay (đất công) nên quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân và các cơ quan quản lý đất đai tại địa phương.

[2.4] Nợ chung, nợ riêng: Ngày 24/7/2019 bà Yên đã rút yêu cầu giải quyết về nợ chung nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều xác nhận không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Công nhận thỏa thuận của các bên đương sự về việc bà Y và ông T mỗi người phải chịu 900.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Y đã nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.800.000 đồng nên ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Y số tiền là 900.000 đồng. Xác nhận ông T đã thanh toán đủ cho bà Y số tiền 900.000 đồng tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn.

Về án phí chia tài sản chung: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% mức án phí theo quy định. Số tiền án phí mỗi người phải chịu tương ứng với giá trị tài sản được chia. Số tiền án phí bà Y phải chịu là: $5\% \times 75.000.000 \text{ đồng} \times 50\% = 1.875.000 \text{ đồng}$ (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Số tiền án phí ông T phải chịu là $5\% \times 45.000.000 \text{ đồng} \times 50\% = 1.125.000 \text{ đồng}$ (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Y đã rút yêu cầu giải quyết về nợ chung nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Tuy nhiên, trong vụ án này cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phí của bà Y.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Y và ông T, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nông Thị Y và ông Lãnh Văn T.

- Về con chung: Các bên đương sự xác nhận quá trình chung sống có một con chung là Lãnh Phương N, sinh ngày 04/02/1999. Hiện nay con chung đã đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Công nhận thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà Nông Thị Y được quyền sở hữu một ngôi nhà một tầng, diện tích 68 m^2 tại tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Lãnh Văn T với số tiền là 45.000.000 đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bà Nông Thị Y đã thanh toán đủ số tiền 45.000.000 đ (bốn mươi lăm triệu đồng) cho ông Lãnh Văn T.

Do vị trí ngôi nhà của ông Lãnh Văn T và bà Nông Thị Y được xây dựng trên đất nhà chờ sân bay (đất công) nên quyền sử dụng đất được thực hiện theo

quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân và các cơ quan quản lý đất đai tại địa phương.

Về nợ chung, nợ riêng: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về nợ chung của bà Nông Thị Y.

Bà Nông Thị Y và ông Lãnh Văn T đều xác nhận không có nợ chung, nợ riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

Công nhận thỏa thuận của các bên đương sự như sau: Bà Nông Thị Y và ông Lãnh Văn T mỗi người phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận bà Nông Thị Y đã nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 1.800.000 đồng. Ông Lãnh Văn T đã thanh toán cho bà Nông Thị Y số tiền là 900.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nông Thị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí bà Y phải chịu là 2.175.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Y đã nộp là 2.550.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0000463 ngày 10/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nay bà Y còn được hoàn lại số tiền là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông Lãnh Văn T phải chịu 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung để sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bà Nông Thị Y và ông Lãnh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Thị Hoài Phương